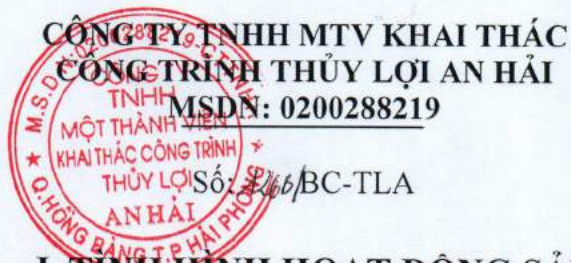


**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2020**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MSDN: 0200288219

Số: 266/BC-TLA

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi An Hải là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, chủ sở hữu là UBND thành phố Hải Phòng. Công ty được giao nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình trong hệ thống thủy lợi liên tỉnh An Kim Hải thuộc địa giới hành chính Hải Phòng; dịch vụ tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và cung cấp nguồn nước thô cho các nhà máy nước sản xuất nước sạch phục vụ dân sinh Thành phố. Ngoài nhiệm vụ chính trị Công ty tham gia đấu thầu và nhận thầu thi công các công trình tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 2020, thực hiện Quyết định phê duyệt của UBND thành phố về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển; Quyết định của UBND thành phố về phân bổ kinh phí phục vụ công tác dịch vụ công ích thủy lợi và các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị. Kết quả cơ bản thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch UBND thành phố giao và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước, cụ thể:

- Sản phẩm chủ yếu sản xuất:

+ Diện tích tưới cho cây trồng và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản: Công ty không ngừng phối kết hợp với các địa phương trong công tác tưới tiêu nước kịp thời cho nhân dân sản xuất, mặt khác tiếp tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo sản xuất an toàn hiệu quả. Năm 2020 một số địa phương thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng phù hợp với các mô hình kinh tế và Nhà nước thu hồi diện tích nên tổng diện tích đã giảm 12 ha, bằng 99,87% so kế hoạch.

+ Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: Diện tích này không tăng giảm so với kế hoạch.

+ Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp: Cung cấp nguồn nước thô cho Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng, Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng, Chi nhánh cấp nước Hải Phòng 3, Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng và các nhà máy nước mi ni trên địa bàn sản xuất nước sạch

phục vụ dân sinh Thành phố. Khối lượng nước năm 2020 đã tăng so với kế hoạch 56.232 m³, bằng 100,09% so kế hoạch.

+ Tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao: Giai đoạn 2019-2020, Công ty đã xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác nhưng chưa được phê duyệt giá nên sản phẩm này Công ty không ký được hợp đồng với các đơn vị theo kế hoạch.

- Tổng doanh thu: Doanh thu tăng so với kế hoạch và chủ yếu từ hoạt động xây dựng cơ bản, tăng 38 tỷ đồng, bằng 124,5% so kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế tăng so với kế hoạch 3,7 tỷ đồng, bằng 192% so kế hoạch, phần lợi nhuận tăng chủ yếu từ cổ tức đầu tư tài chính tại Công ty CP kinh doanh nước sạch số 2 Hải Phòng; tiền gửi ngân hàng của nguồn bổ sung vốn điều lệ chưa giải ngân và hoạt động sản xuất kinh doanh XDCH.

- Lợi nhuận sau thuế: Sau khi thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước về nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty tính toán phân bổ cho các quỹ theo quy định của pháp luật. Lợi nhuận sau thuế tăng so với kế hoạch 3,3 tỷ đồng, bằng 194% so kế hoạch.

- Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước: Công ty thực hiện đúng quy định pháp luật về thuế, các khoản mục thuế đã phát sinh và đã nộp Nhà nước như thuế GTGT đầu ra, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế khác với tổng số thuế đã nộp tăng 1,1 tỷ đồng, bằng 155% so kế hoạch.

- Tổng số lao động: Căn cứ Thông tư 26,27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 với chỉ tiêu đạt được Công ty đã xây dựng số lao động kế hoạch là 195 người, nhưng với mục tiêu đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động nên Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm lao động và tăng năng suất lao động nên thực tế năm 2020 lao động là 183 người giảm 12 lao động, bằng 93,8% so kế hoạch.

- Tổng quỹ tiền lương: Với các biện pháp về lao động Công ty kết hợp với tìm kiếm việc làm trong công tác XDCH để tăng thu nhập cho người lao động nên tổng quỹ tiền lương đã tăng so kế hoạch 2,3 tỷ đồng, bằng 112% so kế hoạch.

(Chi tiết tại Bảng số 1)

2. Thuận lợi, khó khăn

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải nhận được sự quan tâm chỉ đạo và giúp đỡ của UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng; sự kết phối hợp của các sở, ban, ngành Thành phố; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện An Dương trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình. Thực hiện Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020; Quyết định 3278/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND thành phố về



việc bổ sung kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 đã tạo tiền đề và cơ sở để Công ty tiếp tục triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm. Đồng thời Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, cơ chế chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển doanh nghiệp. Cán bộ, CNLĐ trong Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Cùng với yếu tố thuận lợi trên, Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong điều kiện khó khăn như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên nhiên và tác động của biến đổi khí hậu. Địa bàn hoạt động của Công ty rộng, phân tán; tình hình phát triển đô thị hóa nhanh dẫn đến nhiều vụ vi phạm Luật Thủy lợi, phá vỡ hệ thống công trình thủy lợi, gây ách tắc hoặc làm mất tác dụng tưới, tiêu của một số công trình kênh, mương đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tưới, tiêu, cấp nước và công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình.

- Thực hiện các Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009; Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012; Quyết định số 601/2017/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1464/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng và Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 của UBND thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 phê duyệt danh mục vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và danh mục công trình thủy lợi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến công trình đầu mối khởi đầu trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Công ty gặp không ít khó khăn trong công tác bố trí sắp xếp lại lao động và quản lý vận hành công trình.

- Doanh thu từ hoạt động tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo đơn giá của Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND thành phố Hải Phòng về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tuy nhiên mức giá không thay đổi so với mức giá của các văn bản đã được ban hành nên công tác tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đáp ứng kịp thời yêu cầu tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, Công ty phải cân đối các khoản chi thường xuyên theo nguồn thu của đơn vị trên nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả.

- Công tác ký hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp; tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao gặp nhiều khó khăn do phương án giá dịch vụ thủy lợi khác năm 2020 không được phê duyệt.

02882
ÔNG T
TNH
THÀNH
IÁC CÔN
THỦY L
AN H
NG T.P

- Một số nội dung của bộ định mức KTKT theo Quyết định 1890/2012/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng không còn phù hợp. Theo chỉ đạo của UBND thành phố và Sở Nông nghiệp và PTNT Hải Phòng, Công ty đã sửa đổi bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, nay đang trong thời gian thẩm định.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Diện tích tưới cho cây trồng và cấp nước cho nuôi trồng thủy sản	Ha	9.587	9.574,16	
b)	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị	Ha	6.197	6.197,27	
c)	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	m3	63.867.906	63.924.138	
d)	Tiêu thoát nước khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao	Ha	1.347		
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	155	193	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4	7,7	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,5	6,8	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	2	3,1	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	195	183	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	19,1	21,4	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,6	1,5	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	17,5	19,9	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó

khẩn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP: Không có

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI: Không có

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									